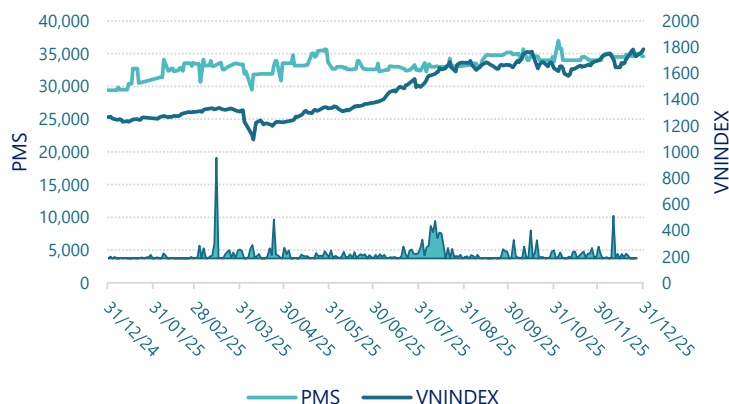


CTCP Cơ khí Xăng dầu (HNX: PMS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	34,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	37,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	29,421
SL cổ phiếu LH	7,201,772
KLGD BQ 20 phiên (CP)	140
% sở hữu nước ngoài	1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	249
P/E	7.6
EPS	4,524

DT thuần

Q4/25

353

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 42.0 | 13.6%

YoY: ▼ 16.0 | -4.2%

LN sau thuế

Q4/25

4.10

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 3.86 | -48.6%

YoY: ▼ 10.6 | -72.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.6%

+/- YoY: ▲ 0.5%

DT thuần

2025

1,224

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 162 | -11.7%

LN sau thuế

2025

32.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.20 | 3.7%

ROE

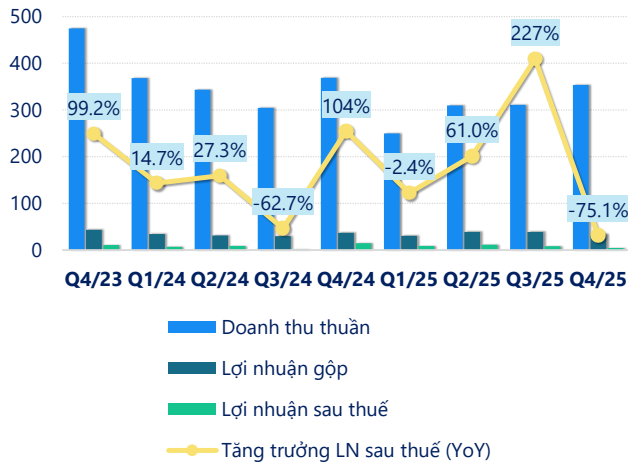
2025

18.3%

+/- YoY: ▲ 0.1%

tỷ VNĐ

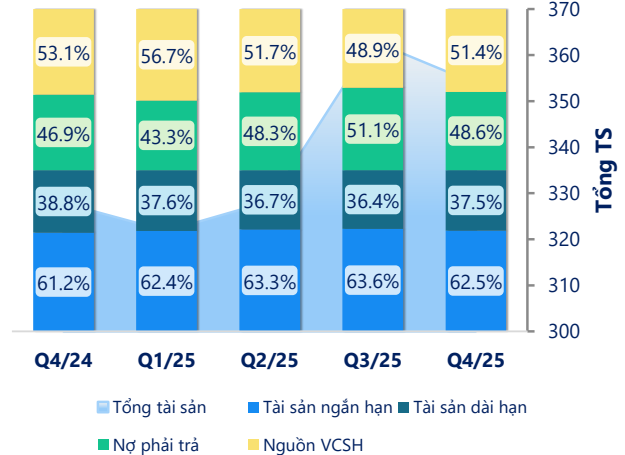
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

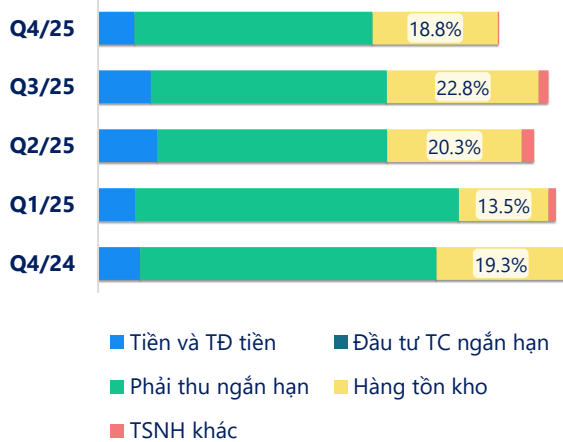
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



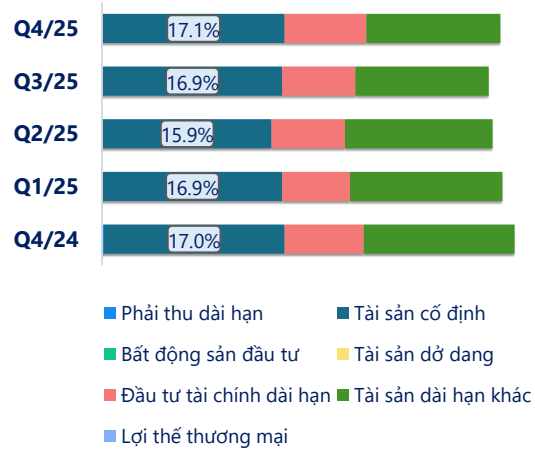
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

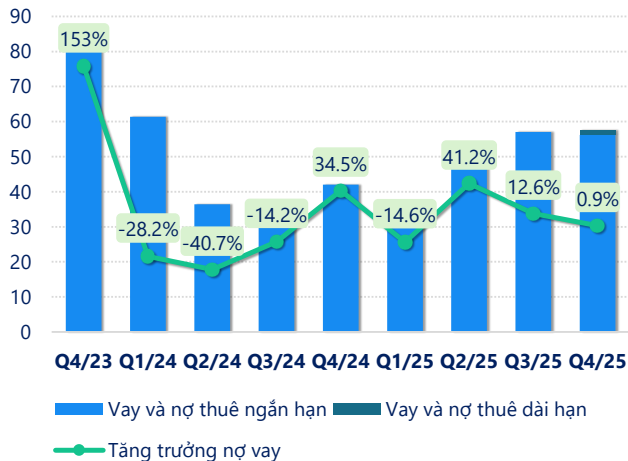
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

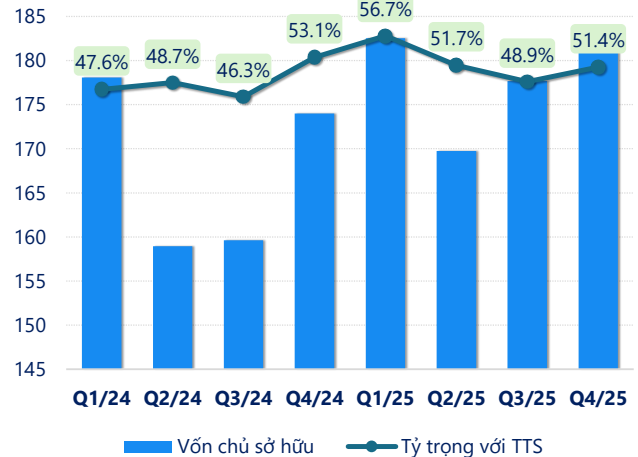
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

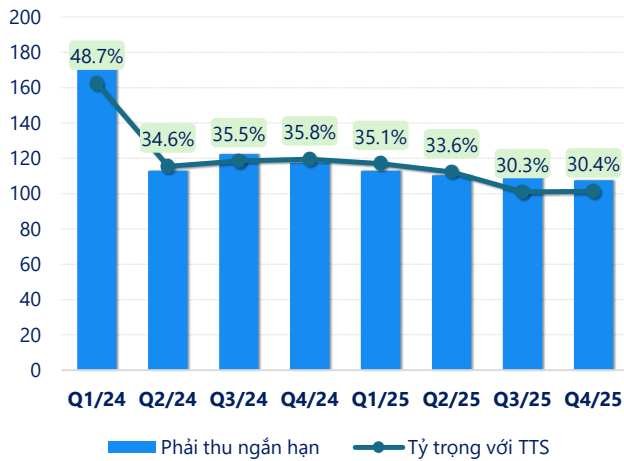
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

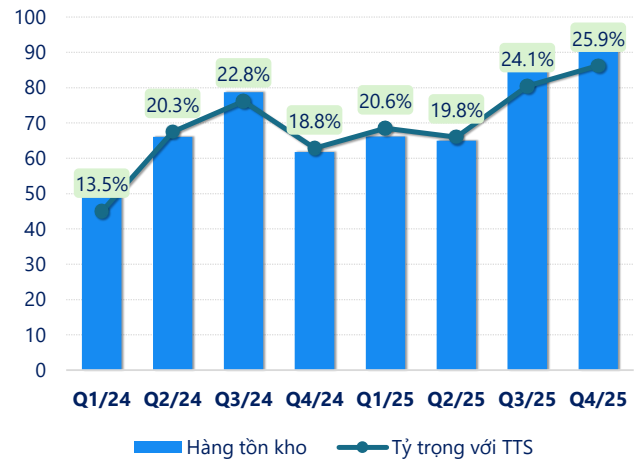
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

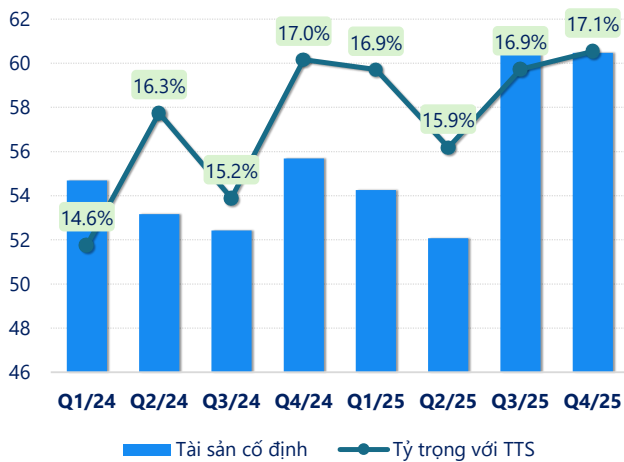
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

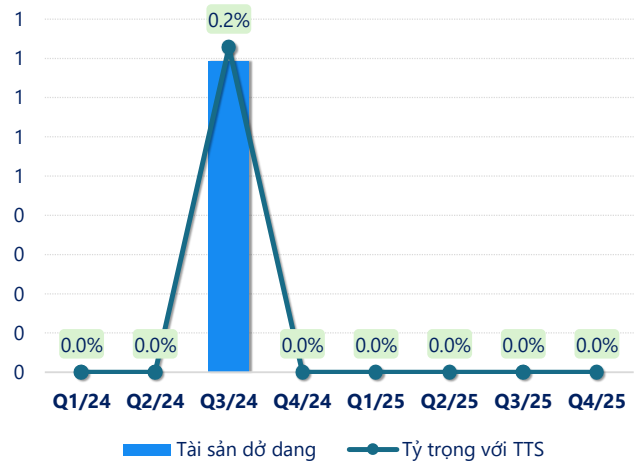
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

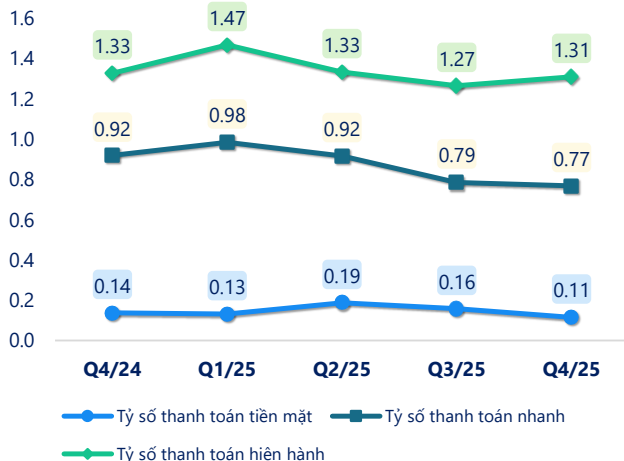
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



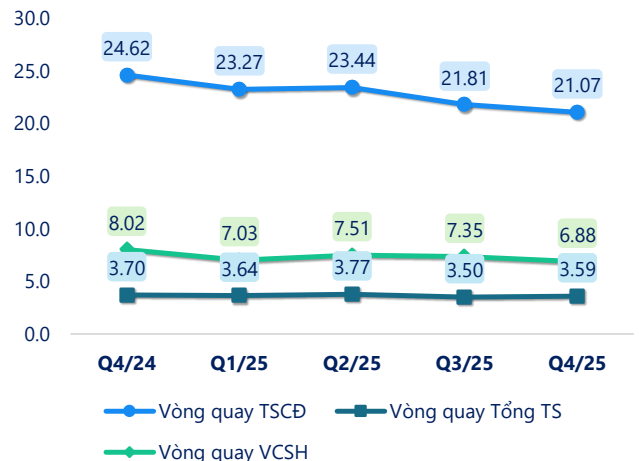
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	328	322	328	363	354
Tài sản ngắn hạn	201	201	208	231	221
Tiền và tương đương tiền	20.8	18.0	29.2	28.8	19.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	117	113	110	110	108
Hàng tồn kho	61.8	66.1	64.9	87.7	91.5
Tài sản ngắn hạn khác	0.57	3.70	3.18	4.65	2.80
Tài sản dài hạn	127	121	121	132	133
Phải thu dài hạn	0.57	0.27	0.27	0.27	0.27
Tài sản cố định	55.7	54.3	52.1	61.2	60.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	24.4	20.6	22.6	25.0	27.2
Tài sản dài hạn khác	46.5	46.0	45.6	45.6	44.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	154	139	158	185	172
Nợ ngắn hạn	151	137	156	183	169
Vay và nợ thuê ngắn hạn	42.0	35.9	50.7	57.1	56.2
Phải trả người bán ngắn hạn	65.7	61.0	57.7	53.3	57.9
Nợ dài hạn	2.72	2.67	2.80	2.89	3.20
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	1.42
Nguồn vốn chủ sở hữu	174	183	170	178	182
Vốn chủ sở hữu	174	183	170	178	182
Vốn điều lệ	72.3	72.3	72.3	72.3	72.3
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)